TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI** Bản án số: 09/2022/DS-ST Ngày: 28-02-2022 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Hồng**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Mạnh Nhanh**
Ông Nguyễn Đại Đồng

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Đinh Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* **Bà Lê Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/02/2022 và ngày 28/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: đội 4, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện M, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* bà Trịnh Thị N, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn Hạ, xã Phùng X, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2018 bà L có cho bà N vay tiền nhiều lần, trong đó

còn 04 khoản vay với tổng số tiền là 240 triệu đồng đã hết thời hạn trả nợ từ lâu nhưng bà N không trả. Cụ thể như sau:

- Ngày 28/11/2017 bà L cho bà N vay 150.000.000 đồng, Thời hạn vay là 03 tháng.

- Ngày 23/01/2018 bà N vay tiếp 25 triệu đồng chữa bệnh cho con trai đang nằm viện do bị tai nạn giao thông, thời hạn trả nợ là ngày 03/3/2018, thời hạn trả nợ là 10 ngày sau khi vay.

- Ngày 23/04/2018 bà N vay tiếp 15 triệu đồng với mục đích cá nhân, thời hạn trả nợ là là 10 ngày sau khi vay.

- Ngày 08/7/2018 bà N vay thêm 50 triệu đồng để sử dụng vào việc đi bệnh viện, thời hạn trả nợ là ngày 23/9/2018.

Tất cả các lần vay trên chị N là người tự viết giấy vay tiền và ký nhận tiền đều đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến gì. Trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng là 4,5%/tháng. Sau nhiều lần đòi nợ thì bà N đã không trả nợ và tìm mọi cách trón trnhs thoái thác việc trả nợ. Năm 2018- 2019, Bà L đã làm đơn tố giác đến cơ quan côn an về hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bà N. Sau đó đã làm đơn khởi kiện vụ án đòi nợ đối với bà N đến Tòa án và đề nghị bà N phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 240 triệu đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án: bà Trịnh Thị N vắng mặt tại địa phương nên các buổi làm việc nên không có lời khai của bà N trình bày tại Tòa án.

Căn cứ vào xác minh tại chính quyền địa phương được biết bà N hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Phùng X, huyện M, TP. Hà Nội nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ vì bà N và gia đình không khai báo tạm vắng và nơi tạm trú mới.

Tại phiên tòa bà L có yêu cầu tạm dừng phiên tòa để xin thu thập tài liệu chứng cứ tại cơ quan điều tra Công an Huyện Mỹ Đức đối với bà N theo đơn tố giác tội phạm của bà L thời điểm năm 2018-2019 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Sau khi tạm dừng phiên tòa để thu thập chứng cứ. Căn cứ vào tài liệu thu thập tại cơ quan điều tra Công an Huyện Mỹ Đức gồm: Kết luận giám định số 1842/KLGĐ-PC09(Đ4) ngày 28/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội, đã kết luận chữ viết và chữ ký trong 04 giấy vay tiền nói trên là của bà Trịnh Thị N; Tại các biên bản lấy lời khai và bản tường trình của bà N khai thời điểm năm 2019 tại cơ quan điều tra có nội dung như sau: Ngày 28/11/2017, bà N có vay

của bà L số tiền là 75.000.000 đồng nhưng khi viết "Giấy biên nhận" bà L yêu cầu phải ghi số tiền vay là 150.000.000 đồng mới cho vay và phải ghi là bà N cầm tiền xin việc cho con trai bà L vào làm việc ở ngân hàng Mỹ Đức. Việc vay có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3000đồng/triệu/ngày (tương đương với 9%/tháng/tổng tiền vay). Ngày 23/01/2018 tôi có vay thêm 04 triệu đồng của bà L. Do chưa trả được lãi của khoản vay trên là 21.000.000 đồng nên bà L yêu cầu bà N phải viết số tiền lãi 21.000.000 đồng + 04 triệu vừa vay thành giấy vay tiền thứ hai là 25.000.000 đồng, lãi thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/ngày. bà N nhất trí và không ý kiến gì. Ngày 23/4/2018, bà N nợ bà L 15.000.000 đồng tiền lãi nhưng chưa có tiền trả nên bà N đồng ý viết giấy lần thứ ba theo yêu cầu của bà L là "Giấy vay tiền" số tiền 15.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/triệu/ngày và tương tự: "Giấy vay tiền" 50.000.000 đồng lập ngày 08/7/2018 cũng là tiền lãi bà N chưa trả được cho bà L được lập thành giấy vay chứ thực chất không vay bà L thêm khoản vay nào nữa. Tất cả các giấy vay này do bà N tự tay viết và không bị bà L ép buộc, tuy nhiên nội dung là ghi theo lời đọc của bà L. Việc lập giấy vay và thỏa thuận vay gốc, lãi đều không có ai chứng kiến và bà N cũng không có tài liệu nào để xuất trình, chứng minh cho lời trình bày trên của bà N.

Tại phiên tòa: Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm: Tất cả 04 lần vay trên của bà N, bà L đều đưa số tiền mặt đúng đủ như trong các giấy biên nhận và giấy vay tiền là có thật, và lãi suất thỏa thuận miệng là 4.5% trong tất cả các khoản vay và không có chuyện chuyển tiền lãi của bà N nợ thành tiền vay như bà N trình bày. Đối với giấy biên nhận ngày ngày 28 tháng 11 năm 2017 bà L trình bày: Đầu tiền là việc bà L nhờ bà N xin việc cho con trai mình vào làm tại ngân hàng Nông nghiệp huyện Mỹ Đức và có đưa tiền cho bà N số tiền 150.000.000 đồng xin việc cho con trai trong thời hạn 03 tháng nếu không xin được việc thì bà N phải trả lại số tiền này cho bà L, ngay sau khi nhận tiền thời gian ngắn, bà N trả lời không xin được việc cho con trai bà L và có nhu cầu vay tiền nên giữa bà L và bà N đã thống nhất chuyển khoản tiền xin việc thành tiền cho bà N vay và thời gian vay và trả nợ tính theo giấy biên nhận tiền xin việc ngày 28/11/2017.

Nay bà L yêu cầu buộc bà N phải trả nợ gốc 240.000.000 đồng và đề nghị áp dụng mức lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật đối với 04 khoản vay của bà N trên tổng số tiền là 240.000.000 đồng. Về lãi đã trả bà N có trả bà L được một phần lãi cụ thể như sau:

Đối với khoản vay ngày 28/11/2017 bà N đã trả được 07 tháng tiền lãi là

47.250.000 đồng, với lãi suất 4,5% tháng.

- Khoản vay ngày 23/01/2018 bà N vay 25 triệu đồng, bà N đã trả được 05 tháng tiền lãi là 5.625.000 đồng, với lãi suất 4,5% tháng.

- Khoản vay ngày 23/04/2018 bà N vay 15 triệu đồng, bà N đã trả được 02 tháng tiền lãi là 1.350.000 đồng, với lãi suất 4,5% tháng

- Khoản vay ngày 08/7/2018 bà N vay 50 triệu đồng chưa trả được đồng lãi nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định. Bị đơn vắng mặt đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

- Về nội dung: Kiểm sát viên tóm tắt nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày phải trả nợ cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Bị đơn bà Trịnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đã báo gọi nhiều lần bị đơn nhưng vẫn vắng mặt, Tai phiên toà đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không tham gia, HĐXX xét thấy: Khi vay nợ bà N đang cư trú tại và đã đăng ký HKTT tại xã Phùng X, huyện M, sau khi vỡ nợ và bị bà L đòi nợ nhiều lần không trả, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L và đi khỏi nơi cư trú tại xã Phùng Xá nhưng không thông báo cho bà L biết và chính quyền địa phương về nơi cư trú mới của mình, là vi phạm khoản 3 điều 40 của bộ luật dân sự 2015 quy định: Cá nhân trong quan hệ dân sự gắn với việc thực hiện quyền và

nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới của mình. Do vậy trong trường hợp này được xác định là bà N cố tình dấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với bà L. Căn cứ vào nơi đăng ký HKTT của bà N xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức. Quá trình giải quyết vụ án đã tống đạt, niêm yết văn bản giao cho bà N theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, báo gọi, niêm yết đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt. Toà án đã mở phiên toà xét xử vụ án là đúng quy đinh tại điều 227 BLTTDS.

[**2]Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

- Về khoản vay: Căn cứ vào tài liệu thu thập được tại cơ quan điều tra về kết luận giám định và các lời khai bản tường trình của bà N phù hợp với yêu cầu khởi kiện 04 khoản vay nợ của bà L đối với bà Trịnh Thị N. 04 văn bản này được lập thành văn bản do bà N tự tay viết, trong đó có 03 giấy viết tay ghi rõ "giấy vay tiền" ngày 23/01/2018; 23/4/2018 và 08/7/2018, riêng giấy viết tay ghi: "Giấy biên nhận" lập ngày 28/11/2017 với số tiền là 150.000.000 đồng ghi là tiền đưa bà N xin việc cho con trai bà L, tuy nhiên căn cứ vào tài liệu chứng cứ và trình bày của bà L xác nhận đây là quan hệ giao dịch vay tiền. Do vậy HĐXX xác định "Giấy biên nhận"viết tay lập ngày 28/11/2017 số tiền 1500.000.000 đồng là thỏa thuận vay nợ giữa bà N và bà L được xác lập từ ngày 28/11/2017. (Bà N thừa nhận đây là giấy vay nợ được xác lập ngày từ ngày 28/11/2017). Cả 04 giấy vay này đều là giấy vay nợ có kỳ hạn và có lãi.

Xét về số tiền vay được xác định: Theo bà N cho rằng chỉ vay 01 lần duy nhất số tiền 75.000.000 đồng, 03 lần vay còn lại chỉ là chốt lãi thành tiền vay và lên đến tổng nợ 04 lần vay tổng là 240.000.000, song bà N lại không chứng minh được việc số nhận tiền thực tế của mình. Trong khi đó 04 giấy vay trên đều do tay bà N viết và ký bên dưới của các giấy vay và viết đã nhận đủ các số tiền. Nên xác định việc khởi kiện của bà L số tiền 240.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Hết thời hạn phải trả tiền trong các giấy vay này, bà L tiến hành đòi nhiều lần, bà N mới trả được nột phần lãi, không trả được một khoản nợ gốc nào. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 240.000.000 đồng của bà L được chấp nhận là phù hợp với quy định của điều 463, 466 470 BLDS 2015.

Về lãi suất và tiền lãi: Trong 04 giấy vay tiền các bên đều không ghi lãi suất nhưng căn cứ vào các tài liệu thu thập được xác định cả 04 khoản vay đều có lãi. Tuy nhiên mức lãi suất các bên trình bày không đồng nhất. Tại phiên tòa bà L có yêu cầu HĐXX xem xét tính lãi suất trong hạn và quá hạn cho bà theo quy định của pháp luật. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu này của bà L là có căn cứ. Cần áp dụng mức lãi suất trong hạn theo khoản 2 điều 468 BLDS với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp pháp luật. Hết thời hạn của các giấy vay bà N không trả gốc và chưa trả hết lãi nên khoản vay này được chuyển sang lãi quá hạn tối đa = 150% lãi suất trong hạn và bằng 15%/năm (bằng 1.25%/tháng). Do có vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong các tài liệu thu thập được không có tài liệu thể hiện việc bà N đã trả lãi cho bà L số tiền là bao nhiêu, Do vậy căn cứ vào trình bày của bà L để xác định thời điểm và số tiền bà N đã trả được lãi các khoản vay trên.

- Cụ thể các khoản vay được tính lãi trong hạn và quá hạn như sau:

1./ Khoản vay ngày 28/11/2017 số tiền 150.000.000 đồng; bà L trình bày bà N đã trả được 07 tháng lãi tức trả lãi đến 28/6/2018 nên khoảng thời gian từ 28/11/2017 đến 28/6/2018 không có vi phạm về trả nợ lãi và được áp dụng mức lãi trong hạn cụ thể: 150.000.000đ * 07(tháng) * (10%/ năm và bằng 0,83%/tháng) = 8.715.000 đồng; Từ 29/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm không trả lãi nên có vi phạm chuyển lãi quá hạn kể từ 29/6/2018 là: 44 tháng * 150.000.000 đồng *1,25%/tháng = 82.500.000 đồng.

Tổng lãi trong hạn và quá hạn của khoản vay này là: 8.715.000 đồng + 82.500.000 đồng = 91.215.000 đồng

2./ Khoản vay ngày 23/01/2018 bà N vay 25 triệu đồng, bà L trình bày bà N đã trả được 05 tháng lãi tức trả lãi đến 23/6/2018 nên khoảng thời gian từ 23/01/2018 đến 23/6/2018 không có vi phạm về trả nợ lãi và được áp dụng mức lãi trong hạn cụ thể: 25.000.000đ * 05(tháng) * (10%/ năm và bằng 0,83%/tháng) = 1.037.000 đồng; Từ 24/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm không trả lãi nên có vi phạm chuyển lãi quá hạn kể từ 24/6/2018 là: 44 tháng 04 ngày (bà L nhất trí làm tròn là 44 tháng) * 25.000.000 đồng *1,25%/tháng = 13.750.000 đồng.

Tổng lãi trong hạn và quá hạn của khoản vay này là: 1.037.000 đồng + 13.750.000 đồng = 14.787.000 đồng

3-/ Khoản vay ngày 23/4/2018 bà N vay 15 triệu đồng, bà L trình bày bà N đã trả được 02 tháng lãi tức trả lãi đến 23/6/2018 nên khoảng thời gian từ

23/4/2018 đến 23/6/2018 không có vi phạm về trả nợ lãi và được áp dụng mức lãi trong hạn cụ thể: 15.000.000đ * 02(tháng) * (10%/ năm và bằng 0,83%/tháng) = 249.000 đồng; Từ 24/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm không trả lãi nên có vi phạm chuyển lãi quá hạn kể từ 24/6/2018 là: 44 tháng 04 ngày (bà L nhất trí làm tròn là 44 tháng) * 15.000.000 đồng *1,25%/tháng = 8.250.000 đồng.

Tổng lãi trong hạn và quá hạn của khoản vay này là: 249.000 đồng + 8.250.000 đồng = 8.499.000 đồng

4./ Khoản vay ngày 08/7/2018 bà N vay 50 triệu đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa trả được đồng lãi nào nên khoản vay quá hạn được tính từ thời điểm thiết lập hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là: 43 tháng 20 * 50.000.000 đồng * 1.25%/tháng = 27.291.600 đồng.

Bà L trình bày bà N đã trả được tổng lãi là: 54.225.000 đồng được đối trừ vào tổng tiền lãi phải trả. Do đó bà N còn phải trả bà L số tiền lãi trong hạn, quá hạn còn lại là: (91.215.000 đồng +14.787.000 đồng + 8.499.000 đồng + 27.291.600 đồng – 54.225.000 đồng) = 87.567.600 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi bà N phải thanh toán trả bà L là: 240.000.000 đồng + 87.567.600 đồng = 327.567.600 đồng.

Về án phí: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo pháp luật. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện các "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho bà Hoàng Thị L tổng số tiền cả gốc và lãi đối với 04 khoản vay ngày 28/11/2017; 23/01/2018; 23/4/2018 và khoản vay ngày 08/7/2018 là: **327.567.600** đồng (ba trăm hai mươi bẩy triệu, năm trăm sáu mươi bẩy nghìn, sáu trăm đồng), trong đó

nợ gốc của 04 khoản vay phải thanh toán trả bà L là: 240.000.000 đồng, nợ lãi của 04 khoản vay là 87.567.600 đồng.

Về án phí: bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **16.378.000** đồng. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 6.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0038700 ngày 15/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

Kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hs, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng